THỐNG KÊ THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2021-2022

Tính đến thời điểm 08 giờ 00, ngày 07/7/2021

STT	Mã trường	Trường THCS	Huyện, TX, TP	Số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển	Trong đó DTTS	Trong đó DTTC
1	HTM	THCS Hồ Tùng Mậu - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	123	0	0
2	LPG	THCS Lê Hồng Phong - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	62	23	20
3	NKH	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	103	49	0
4	NTG	THCS Nguyễn Trường Tộ - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	108	40	5
5	PBD	PTDTNT THCS Buôn Đôn - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	29	28	12
6	TDI	THCS Trần Quang Diệu - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	191	64	29
7	THA	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	129	116	26
8	VSA	THCS Võ Thị Sáu - Huyện Buôn Đôn	Huyện Buôn Đôn	39	32	28
9	198	THCS 19/8 - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	87	18	18
10	CEW	THCS Chư Êwi - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	87	39	0
11	DRB	THCS Draybhang - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	91	6	5
12	EBH	THCS Ea Bhôk - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	34	34	34
13	EHU	THCS Ea Hu - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	68	4	0
14	CHQ	THCS Chư Quynh - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	63	0	0
15	DBL	THCS Đinh Bộ Lĩnh - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	69	20	20
16	EAN	THCS Eah'Nin - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	38	4	4
17	EAT	THCS Ea Tiêu - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	76	61	58
18	GIS	THCS Giang Sơn - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	61	8	8
19	PCK	PTDTNT Cư Kuin - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	21	21	14
20	NDC	THCS Nguyễn Đình Chiểu - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	82	7	7
21	TRH	THCS Trung Hòa - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	117	108	0
22	VID	THCS Việt Đức - Huyện Cư Kuin	Huyện Cư Kuin	72	1	0
23	CQU	THCS Cao Bá Quát - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	42	24	12
24	DHG	THCS Đinh Tiên Hoàng - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	178	91	90
25	ETL	THCS Ea Tul - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	26	25	25

26	HOT	THCS Hoàng Văn Thụ - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	17	0	0
27	HTH	THCS Hoàng Hoa Thám - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	97	2	2
28	HVG	TH và THCS Hùng Vương - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	23	7	0
29	DDI	THCS Đoàn Thị Điểm - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	27	27	27
30	LGV	THCS Lương Thế Vinh - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	207	12	6
31	LHO	THCS Lê Hồng Phong - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	56	44	39
32	NGM	THCS Ngô Mây - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	37	32	9
33	NHU	THCS Nguyễn Huệ - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	88	14	1
34	NTP	THCS Nguyễn Tri Phương - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	81	1	1
35	NVB	THCS Nguyễn Văn Bé - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	4	0	0
36	PCM	PTDTNT THCS Huyện Ư Mgar - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	29	29	26
37	TDO	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	1	1	0
38	NGK	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	75	11	10
39	NQU	THCS Ngô Quyền - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	88	23	21
40	NTN	THCS Nguyễn Tất Thành - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	131	3	3
41	PPG	THCS Phan Đình Phùng - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	164	35	2
42	TQD	THCS Trần Quang Diệu - Huyện Cư M'gar	Huyện Cư M'gar	26	8	4
43	HTU	THCS Hoàng Văn Thụ - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	48	42	1
44	HVO	THCS Hùng Vương - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	45	20	5
45	LHG	THCS Lê Hồng Phong - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	183	37	24
46	BVD	THCS Bế Văn Đàn - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	53	37	2
47	CVN	THCS Chu Văn An - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	186	43	28
48	HHM	TH và THCS Hoàng Hoa Thám - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	27	6	0
49	HTA	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	67	19	0
50	LEL	THCS Lê Lợi - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	171	56	43
51	NMA	THCS Ngô Mây - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	116	33	0
52	NVI	THCS Nguyễn Văn Trỗi - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	77	11	7
53	PEH	PTDTNT THCS Ea H'Leo - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	34	34	21
54	LQD	THCS Lê Quý Đôn - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	172	9	0
55	NBM	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	145	93	79
56	NDU	THCS Nguyễn Du - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	173	30	27
57	NGQ	THCS Ngô Quyền - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	196	17	11
58	THI	THCS Tô Hiệu - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	69	63	1

59	VAD	THCS Vừ A Dính - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	38	32	4
60	YJT	THCS Y Jut - Huyện Ea Hleo	Huyện Ea Hleo	106	58	53
61	CBQ	THCS Cao Bá Quát - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	104	91	2
62	CHN	THCS Chu Văn An - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	107	16	14
63	DTG	THCS Đinh Tiên Hoàng - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	128	8	5
64	EAK	PTDTNT THCS Eakar - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	19	19	8
65	HDI	THCS Hoàng Diệu - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	55	46	0
66	HHT	THCS Hoàng Hoa Thám - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	83	67	1
67	HUV	THCS Hùng Vương - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	197	3	1
68	LVI	THCS Lương Thế Vinh - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	82	12	5
69	NGD	THCS Nguyễn Đình Chiểu - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	45	10	4
70	NKN	THCS Nguyễn Khuyến - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	102	4	1
71	NTI	THCS Nguyễn Văn Trỗi - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	177	14	14
72	PDL	THCS Phan Đăng Lưu - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	10	3	2
73	PHT	THCS Phạm Hồng Thái - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	126	87	8
74	PTH	THCS Phan Chu Trinh - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	189	30	0
75	LYT	THCS Lý Tự Trọng - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	50	21	3
76	NBK	THCS Nguyễn Bỉnh Khiêm - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	66	6	0
77	NCA	THCS Nguyễn Đức Cảnh - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	64	10	3
78	PDI	THCS Phan Đình Phùng - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	137	26	0
79	TRP	THCS Trần Phú - Huyện Ea Kar	Huyện Ea Kar	92	17	17
80	CHV	TH và THCS Chu Văn An - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	14	8	0
81	HKG	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	52	2	0
82	LCH	THCS Lê Đình Chinh - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	150	65	2
83	BVN	THCS Bế Văn Đàn - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	94	90	0
84	EAB	THCS Ea Bung - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	46	1	0
85	EAL	THCS Ea Lê - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	138	41	0
86	LQN	THCS Lê Quý Đôn - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	59	19	0
87	NTD	THCS Nguyễn Thị Định - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	40	13	0
88	PES	PTDTNT THCS Huyện Ea Súp - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	30	28	4
89	TDA	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	44	28	0
90	LTG	THCS Lý Tự Trọng - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	37	21	0
91	QTG	THCS Quang Trung - Huyện Ea Súp	Huyện Ea Súp	168	44	33

92	BTR	THCS Buôn Trấp - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	243	26	8
93	DKM	THCS Dur Kmăn - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	48	19	11
94	LDC	THCS Lê Đình Chinh - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	113	0	0
95	LED	THCS Lê Quý Đôn - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	74	26	24
96	BAD	THCS Băng Adrênh - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	46	4	4
97	KRA	PTDTNT THCS Huyện Krông Ana - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	24	23	22
98	LTV	THCS Lương Thế Vinh - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	149	22	20
99	NNT	THCS Nguyễn Trãi - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	135	14	12
100	THE	THCS Tô Hiệu - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	144	75	73
101	LVT	THCS Lê Văn Tám - Huyện Krông Ana	Huyện Krông Ana	89	2	0
102	CDR	THCS Cưdrăm - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	105	62	24
103	CKT	THCS Cư Kty - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	78	2	0
104	DKG	THCS Dang Kang - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	56	20	20
105	HOS	THCS Hòa Sơn - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	123	12	5
106	CPU	THCS Cưpui - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	142	125	36
107	ETR	THCS Êa Trul - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	53	24	22
108	HGV	THCS Hùng Vương - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	39	9	9
109	HLE	TH - THCS Hòa Lễ - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	57	0	0
110	HPO	THCS Hòa Phong - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	79	36	23
111	KBG	DTNT Krông Bông - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	37	37	21
112	PCT	THCS Phan Chu Trinh - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	46	2	0
113	LTT	THCS Lý Tự Trọng - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	33	0	0
114	NGV	TH - THCS Hòa Tân - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	35	0	0
115	NXU	THCS Nguyễn Viết Xuân - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	108	4	1
116	QGT	THCS Quang Trung - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	54	0	0
117	YMA	THCS Yang Mao - Huyện Krông Bông	Huyện Krông Bông	33	27	26
118	BTX	Trường PTDTBT TH&THCS Bùi Thị Xuân - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	12	8	8
119	KRB	PTDTNT THCS Huyện Krông Búk - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	27	27	26
120	LHP	THCS Lê Hồng Phong - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	110	7	3
121	NGE	THCS Nguyễn Huệ - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	70	4	4
122	PTR	THCS Phan Chu Trinh - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	101	65	64
123	LTU	THCS Lý Tự Trọng - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	95	8	6
124	NCT	THCS Nguyễn Công Trứ - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	136	6	0

125	NTU	THCS Ngô Gia Tự - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	76	47	46
126	PBC	THCS Phan Bội Châu - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	100	0	0
127	PPH	THCS Phan Đình Phùng - Huyện Krông Búk	Huyện Krông Búk	204	0	0
128	ATL	THCS Ama Trang Lơng - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	161	52	17
129	KRN	PTDTNT THCS Krông Năng - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	21	21	14
130	CHA	THCS Chu Văn An - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	70	46	0
131	HAT	THCS Hà Huy Tập - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	12	2	1
132	HOV	THCS Hoàng Văn Thụ - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	104	82	1
133	LDU	THCS Lê Duẩn - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	49	24	0
134	LQU	THCS Lê Quý Đôn - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	156	10	9
135	NGU	THCS Nguyễn Du - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	27	6	0
136	NTA	THCS Nguyễn Tất Thành - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	122	26	0
137	PLO	THCS Phú Lộc - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	103	4	0
138	PXU	THCS Phú Xuân - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	56	3	0
139	QUT	THCS Quang Trung - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	48	5	5
140	THO	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	101	8	0
141	NGI	THCS Nguyễn Trãi - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	52	22	1
142	TRU	THCS Trần Phú - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	17	4	0
143	YJU	THCS Y Jút - Huyện Krông Năng	Huyện Krông Năng	27	27	27
144	719	THCS 719 - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	217	7	0
145	EAH	THCS Ea Hiu - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	65	36	5
146	EAP	THCS Êa Phê - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	91	52	20
147	EAY	THCS Ea Yông - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	118	34	22
148	EKL	THCS Êa Kly - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	84	40	32
149	HAN	THCS Hoà An - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	48	2	0
150	HOD	THCS Hoà Đông - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	145	36	33
151	HVT	THCS Hoàng Văn Thụ - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	97	12	2
152	LEC	THCS Lê Đình Chinh - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	45	29	11
153	EAU	THCS Ea Uy - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	67	27	8
154	EKN	TH & THCS Lê Văn Tám - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	30	6	0
155	EYG	THCS Ea Yiêng - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	68	60	0
156	HTK	THCS Huỳnh Thúc Kháng - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	190	34	9
157	KRP	PTDTNT THCS HuyệN Krông Pắc - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	24	24	7

158	NGT	THCS Ngô Gia Tự - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	107	19	19
159	NMI	THCS Nguyễn Thị Minh Khai - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	121	72	45
160	NVT	THCS Nguyễn Văn Trỗi - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	43	3	1
161	T10	THCS Tháng 10 - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	79	11	10
162	NGY	THCS Ngô Mây - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	51	32	0
163	NVN	THCS Nguyễn Viết Xuân - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	115	0	0
164	PHA	THCS Thị Trấn Phước An - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	251	6	1
165	TVO	THCS Trần Văn Ơn - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	107	62	62
166	VOS	THCS Võ Thị Sáu - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	920	47	47
167	VUB	THCS Vụ Bổn - Huyện Krông Pắc	Huyện Krông Pắc	123	26	0
168	CHU	THCS Chu Văn An - Huyện Lắk	Huyện Lắk	47	46	46
169	HGG	THCS Hùng Vương - Huyện Lắk	Huyện Lắk	26	24	24
170	LAK	PTDTNT THCS Lắk - Huyện Lắk	Huyện Lắk	33	32	9
171	LDN	THCS Lê Quý Đôn - Huyện Lắk	Huyện Lắk	72	11	5
172	LLI	THCS Lê Lợi - Huyện Lắk	Huyện Lắk	54	51	43
173	NDN	THCS Nguyễn Đức Cảnh - Huyện Lắk	Huyện Lắk	49	5	5
174	NNA	THCS Nguyễn Trãi - Huyện Lắk	Huyện Lắk	131	27	23
175	NND	THCS Nguyễn Du - Huyện Lắk	Huyện Lắk	73	42	35
176	THD	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện Lắk	Huyện Lắk	94	89	66
177	NVX	THCS Nguyễn Viết Xuân - Huyện Lắk	Huyện Lắk	38	34	32
178	TQT	THCS Trần Quốc Toản - Huyện Lắk	Huyện Lắk	30	29	13
179	VTS	THCS Võ Thị Sáu - Huyện Lắk	Huyện Lắk	68	36	30
180	HGT	THCS Hoàng Văn Thụ - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	42	0	0
181	HUG	THCS Hùng Vương - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	105	8	3
182	LDI	THCS Lê Đình Chinh - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	76	5	0
183	PHB	PTDTBT THCS Phan Bội Châu - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	45	43	35
184	LYU	THCS Lý Tự Trọng - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	84	36	0
185	MDR	PTDTNT THCS Huyện M'Drăk - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	38	36	16
186	NGA	THCS Nguyễn Trãi - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	71	5	0
187	NQY	THCS Ngô Quyền - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	95	49	42
188	PDP	THCS Phan Đình Phùng - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	30	17	0
189	PNK	PTDTBT THCS Nguyễn Khuyến - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	56	21	8
190	THU	THCS Trần Hưng Đạo - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	109	85	78

191	TOH	THCS Tô Hiệu - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	27	27	0
192	TPU	THCS Trần Phú - Huyện M'Đrắk	Huyện M'Đrắk	38	0	0
193	BMT	PTDTNT THCS Tp Buôn Ma Thuột - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	16	16	6
194	DDT	THCS Đào Duy Từ - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	1	1	0
195	DDU	THCS và THPT Đông Du - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	19	0	0
196	ETU	THCS Eatu - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	35	23	18
197	HK	THCS Hòa Khánh - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	31	2	0
198	HN	THCS Hàm Nghi - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	115	11	9
199	LLO	THCS Lê Lợi - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	85	35	29
200	DKT	THCS Đoàn Kết - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	80	2	0
201	DTD	THCS Đoàn Thị Điểm - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	193	12	8
202	HPH	THCS Hòa Phú - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	182	48	19
203	HVE	TH, THCS và THPT Hoàng Việt - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	24	1	1
204	HVU	THCS Hùng Vương - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	116	6	1
205	HX	THCS Hòa Xuân - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	75	32	31
206	LTH	THCS Lương Thế Vinh - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	202	20	13
207	NMK	THCS Nguyễn Thị Minh Khai - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	3	0	0
208	NTH	THCS Nguyễn Chí Thanh - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	178	60	23
209	PCH	THCS Phan Chu Trinh - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	167	4	1
210	TBT	THCS Trần Bình Trọng - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	164	7	0
211	TNA	THCS Thành Nhất - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	129	12	8
212	LLQ	THCS Lạc Long Quân - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	102	12	6
213	NTO	THCS Nguyễn Trường Tộ - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	57	18	16
214	NVC	THCS Nguyễn Văn Cừ - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	194	39	34
215	PBU	THCS Phan Bội Châu - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	93	3	0
216	PHI	THCS Phạm Hồng Thái - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	197	16	13
217	PTN	PTDTNT Tây Nguyên - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	9	2	0
218	TQU	THCS Trần Quang Diệu - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	4	2	2
219	TVU	THCS Trưng Vương - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	212	13	3
220	TLO	THCS Tân Lợi - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	249	12	6
221	TRD	THCS Trần Hưng Đạo - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	61	12	10
222	VIC	TH, THCS và THPT Victory - TP. Buôn Ma Thuột	TP. Buôn Ma Thuột	91	5	1
223	BUH	PTDTNT THCS Tx Buôn Hồ - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	6	6	5

224	CAN	THCS Chu Văn An - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	66	61	0
225	DTH	THCS Đinh Tiên Hoàng - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	96	0	0
226	HGN	THCS Hùng Vương - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	79	25	1
227	NGO	THCS Ngô Mây - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	1	0	0
228	NNO	THCS Nguyễn Trường Tộ - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	178	2	0
229	NGN	THCS Ngô Quyền - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	108	31	30
230	NNU	THCS Nguyễn Du - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	1	0	0
231	TNP	THCS Trần Phú - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	8	0	0
232	TVD	THCS Tô Vĩnh Diện - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	1	1	0
233	TRN	THCS Trần Đại Nghĩa - Thị Xã Buôn Hồ	Thị Xã Buôn Hồ	59	3	3
234	ZSD	Trường khác	khác	134	55	3
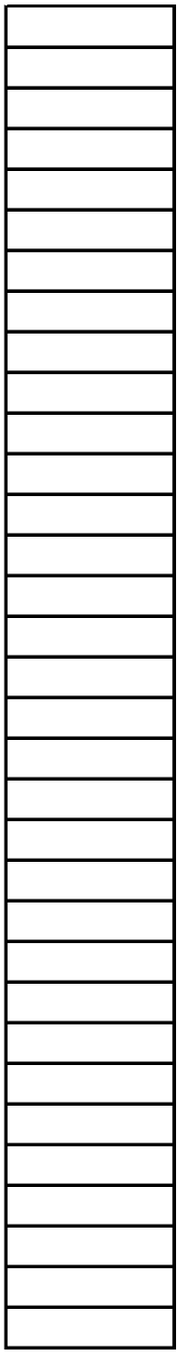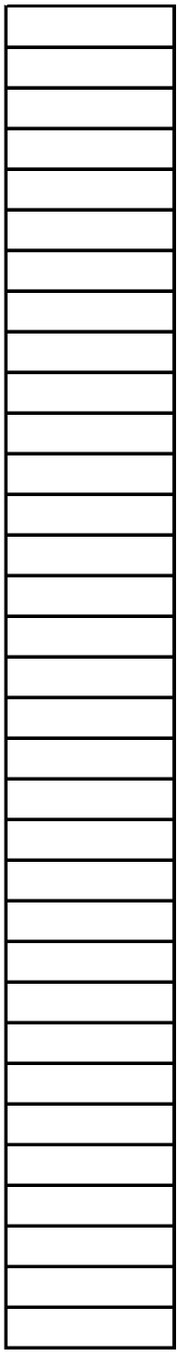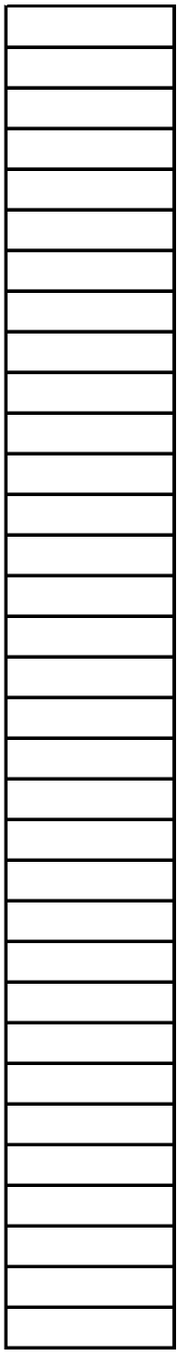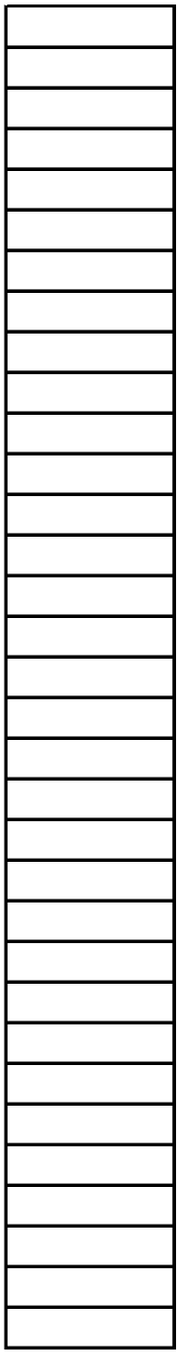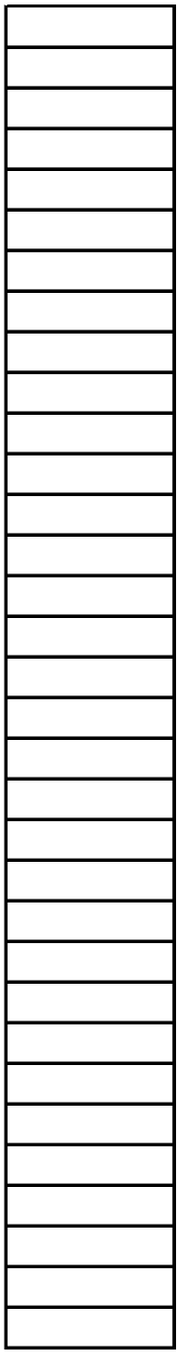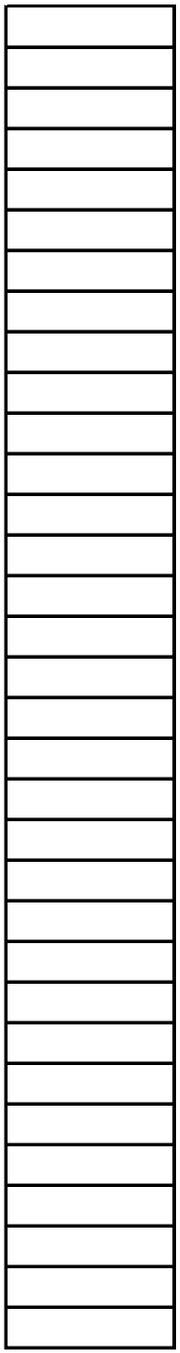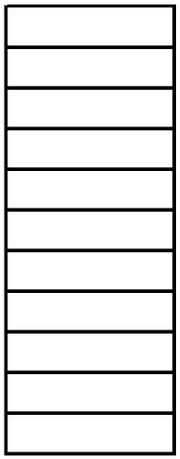
Ghi chú